TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA

Bản án số: 110/2018/HSST.
Ngày: 13 – 6 - 2018.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Kỳ Việt.

Các Hội thẩm nhân nhân: Ông Nhữ Quang Hưng + Ông Hoàng Trung Trọng.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mai – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Lường Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 104/2018/HSST ngày 04 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Cầm Văn H; tên gọi khác: Không; SN: 1986; nơi cư trú: Bản Ng, xã Ch C, huyện M S, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 11/12; con ông: Cầm Văn N – SN: 1965 và bà Vì Thị H – SN: 1964; bị cáo có vợ là: Tòng Thị Q – SN: 1997 và có 01 con chung 01 tuổi; tiền sự: Không.

Tiền án: Bị cáo có 02 tiền án gồm:

- Bản án số: 91/2009/HSST ngày 30/07/2009 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, đã xử phạt bị cáo Cầm Văn H 12 (*Mười hai*) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Bản án số: 31/2012/HSST ngày 12/12/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, đã xử phạt bị cáo Cầm Văn H 24 (*Hai mươi tư*) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Trong vụ án này bị cáo bị bắt giam giữ từ ngày 28/02/2018 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại:

1. Anh Lò Văn D, SN: 1987, nơi cư trú: Bản NC, xã Ch N, huyện TC, tỉnh Sơn La (*Vắng mặt không lý do*).

2. Anh Lò Văn Q, SN: 1989, nơi cư trú: Bản N B, xã BM, huyện TC, tỉnh Sơn La (*Vắng mặt không lý do*).

3. Anh Quàng Văn L; SN: 1979, nơi cư trú: Bản Đ M, xã BM, huyện TC, tỉnh Sơn La (*Vắng mặt không lý do*).

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Tòng Thị Q, SN: 1997, nơi cư trú: Bản Ng, xã Ch C, huyện MS, tỉnh Sơn La (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 24/6/2017, Lường Văn Q đang ở nhà mình (*Bản Ng - Ch M - M S - Sơn La*), thì Cầm Văn H (*SN: 1987, trú tại Bản Ng - Ch C - M S - Sơn La*) gọi điện thoại rủ Q đi trộm cắp tài sản ở huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, đồng thời hẹn gặp nhau tại ngã ba Mai Sơn, Sơn La, Q đồng ý đến điểm hẹn sau đó cả hai đi bằng xe của H đến huyện Thuận Châu. Vào lúc 15 giờ cùng ngày (*24/6/2017*), khi H và Q đang di chuyển trên đoạn đường liên xã, thuộc bản Nà Cưa, xã Chiềng Ngàm, huyện Thuận Châu, thì phát hiện có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA BKS: 26M1 – 025.46, dựng bên đường không có người trông coi, H liền dừng xe bảo Q đứng cảnh giới, còn H thì lấy Tuýp sắt (*Vam phá khóa*) cho vào ổ khóa điện, cũng là khóa cổ chiếc xe máy BKS: 26M1 – 025.46, sau khi phá được khóa xe thì H giao chiếc xe máy đó cho Q khởi động máy rồi điều khiển xe về hướng thành phố Sơn La. Về phía H thì tiếp tục điều khiển xe máy của mình chạy ở phía sau, tuy nhiên khi Q điều khiển xe đi được khoảng 01 Km, thì phát hiện có nhiều người xung quanh truy đuổi, sau đó thì Q bị bắt giữ tại khu vực bản Mện, xã Chiềng Ngàm, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn la, cùng vật chứng là chiếc xe máy BKS: 26M1 – 025.46 về phía H thì chạy thoát.

Lời khai của chủ xe máy 26M1 – 025.46 - Anh Lò Văn D (*Nơi cư trú: Bản NC, xã Ch N, huyện TC*), như sau: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24/6/2017, anh cùng với vợ trong khi thu hoạch lúa ruộng ở khu vực bản Nà Cưa, xã Chiềng Ngàm đã để xe máy ở ven đường liên xã, sau đó anh phát hiện có 02 đối tượng lạ lấy trộm, anh đã cùng với anh Luân (*Người cùng bản*) và Công an xã Chiềng Ngàm truy đuổi sau đó bắt giữ được một trong hai đối tượng trộm cắp xe máy là Lường Văn Q.

Sau khi tiếp nhận đối tượng Lường Văn Q từ Công an xã Chiềng Ngàm, cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, đã tiến hành biện pháp đấu tranh xét hỏi: Bị can Q đã thừa nhận hành vi trộm cắp chiếc xe máy BKS: 26M1 – 025.46 tại khu vực đường liên xã, thuộc bản Nà Cưa, xã Chiềng Ngàm cùng với đối tượng đã bỏ trốn là Cầm Văn H. Ngoài ra Q còn khai nhận thêm 02 vụ trộm cắp xe máy cùng với đối tượng Cầm Văn H đã thực hiện trước đó như sau:

* <u>Vụ thứ nhất</u>: Vào khoảng 22 giờ ngày 13/6/2017, Q và H sử dụng phương tiện xe máy của H đi đến địa bàn huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn la, để trộm cắp tài sản, khi phát hiện chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại WAVEα, BKS: 26B2 – 030.20, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện, dựng dưới gầm sàn nhà anh Lò Văn Q (*Bản NB, xã BM, huyện TC*), các đối tượng đã bàn nhau: Để Q đứng ngoài cảnh

giới, còn H thì trực tiếp vào gầm sàn nhà dắt xe ra, sau đó mỗi người điều khiển một xe đi về thành phố Sơn la, Q thuê nhà trọ nghỉ qua đêm, còn H thì mang chiếc xe máy trộm cắp đi tiêu thụ. Khoảng 08 giờ ngày hôm sau (*14/6/2017*) H quay lại nơi Q đang thuê trọ chia cho Quyền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*), số tiền có được do trộm cắp xe máy Q đã tiêu xài hết.

* Vụ thứ hai: Vào khoảng 15 giờ ngày 20/6/2017, Q và Htiếp tục sử dụng phương tiện xe máy của H đi đến địa bàn huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn la, để trộm cắp tài sản, khi qua bản Đông Mạ, xã Bó Mười, thì phát hiện 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại WREBLADE, màu sơn đen đỏ, BKS: 26M1 – 071.28 đang dựng ở hiên nhà anh Quàng Văn L, các đối tượng đã bàn nhau: Q đứng ngoài cảnh giới còn H tiếp cận chiếc xe máy, dùng Vam phá khóa xe của người bị hại, sau đó H điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được, còn Q điều khiển xe của H, cả hai cùng đi về thành phố Sơn La, Q đi thuê nhà trọ nghỉ qua đêm, còn H mang xe máy trộm cắp được đi tiêu thụ. Khoảng 09 giờ ngày hôm sau (*21/6/2017*), H quay lại nơi Q nghỉ trọ chia cho Q 3.100.000đ (*Ba triệu một trăm ngàn đồng*) tiền bán chiếc xe máy do trộm cắp được của anh L.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 341/KL- HĐ ngày 28/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, kết luận: Chiếc xe mô tô 2 bánh nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX, của anh Lò Văn D còn 70% giá trị sử dụng, có giá 15.400.000đ (*Mười lăm triệu bốn trăm ngàn đồng*).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 493/KL- HĐ ngày 17/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, kết luận: Chiếc xe mô tô 2 bánh nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE @, của anh Lò Văn Q còn 80% giá trị sử dụng, có giá 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 491/KL- HĐ ngày 17/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, kết luận: Chiếc xe mô tô 2 bánh nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE BLADE, của anh Quàng Văn L còn 85% giá trị sử dụng, có giá 20.230.000đ (*Hai mươi triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng*).

Tại bản án số: 179/2017/HSST của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, đã áp dụng: điểm e khoản 2 Điều 138 – các điểm b, o, p khoản 1 Điều 46 – khoản 2 Điều 46 – khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự; Khoản 4 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Xử phạt bị cáo Lường Văn Q 30 (*Ba mươi*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách đối với bị cáo là 60 (Sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án (*29/9/2017*).

Ngày 27/02/2018, đối tượng Cầm Văn H được triệu tập đến cơ quan Điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Quá trình điều tra bị can Cầm Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản cùng với bị cáo Lường Văn Q như đã nêu ở trên.

Đối với 02 chiếc xe máy: BKS: 26B2 – 030.20 và BKS: 26M1 – 071.28 sau khi chiếm đoạt của những các bị hại (*Lò Văn Q + Quàng Văn L*), thì bị can H khai nhận là người trực tiếp mang đi bán cho một người đàn ông Quốc tịch Lào tên là Sông ở cửa khẩu Chiềng Khương, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Sau khi chia cho bị án Q 5.600.000đ số còn lại 6.400.000đ bị cáo H đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Cáo trạng số: 72/CT - VKS ngày 04/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, đề nghị truy tố bị can Cầm Văn H về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại các điểm c, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999;

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, giữ quan điểm truy tố bị cáo Cầm Văn H, với tội danh và điều khoản luật áp dụng như trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm c, e khoản 2 Điều 138 – điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

- Tuyên bố bị cáo Cầm Văn H phạm tội: Trộm cắp tài sản và xử phạt bị cáo mức án từ 48 đến 52 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, đối với bị cáo.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Vật chứng là chiếc xe máy bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cùng các giấy tờ liên quan đến chiếc xe.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Tuyên truy thu số tiền 6.400.000đ (*Sáu triệu bốn trăm ngàn đồng*) do bán tài sản phạm tội mà có đối với bị cáo H.

Tại phiên tòa bị cáo (*H*) có ý kiến: Thừa nhận trong các ngày 13/6/2017, 20/6/2017 và 24/6/2017 là người khởi xướng cùng với Lường Văn Q thực hiện hành vi trộm cắp xe máy của những bị hại (*Lò Văn Q, Quàng Văn L, Lò Văn D*) với tổng giá trị là 51.630.000đ). Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm ra trại lao động lấy tiền bồi hoàn lại ½ tổng số tiền bị cáo Q do đã đứng ra bồi thường trước cho những người bị hại.

Căn cứ vào lời khai của các bị hại (*Anh Q, anh L và anh D*) trong quá trình điều tra thể hiện: Vấn đề bồi thường dân sự đã được giải quyết tại bản án số: 179/2017/HSST của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La và bị án Lường Văn Q đã tự nguyện bồi thường xong toàn bộ giá trị tài sản chiếm đoạt cùng công truy tìm tài sản cho các bị hại với tổng số tiền là 51.730.000đ (*Năm mươi mốt triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng*) nay không yêu cầu gì thêm. Về trách nhiệm hình sự thì đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa – Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Tòng Thị Q có ý kiến: Vật chứng là chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA cơ quan Điều tra tạm giữ là tài sản chung của bị cáo với chị. Việc bị cáo 03 lần sử dụng xe làm phương tiện

phạm tội và việc bị cáo tháo BKS xe nhằm che dấu tội phạm, thì chị không biết. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả chiếc xe nói trên cho chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và các bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

- Tại phiên tòa các bị hại vắng mặt, tuy nhiên xét không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sưn năm 2015; để xét xử vụ án vắng mặt các bị hại.

[2] Về nội dung: Trong các ngày 13/6/2017, 20/6/2017 và 24/6/2017, bị cáo Cầm Văn H (*Có căn cước lý lịch như trên*) đã cùng với bị án Lường Văn Q thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản (*03 chiếc xe máy*) của các bị hại: Anh Lò Văn Q, Quàng Văn L, Lò Văn D) tại địa bàn huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, với tổng giá trị theo kết quả trong tố tụng hình sự là 51.630.000đ (*Năm mươi mốt triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng*) để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hội đồng xét xử nhận định: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là trái pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện; Xét lời khai của bị cáo Hải là phù hợp với lời khai của bị án Lường Văn Q, phù hợp với lời khai của các bị hại về thời gian, đặc điểm, công cụ (*Vam phá khóa*) trong quá trình thực hiện 03 vụ chiếm đoạt tài sản cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở đó đã đủ căn cứ kết luận bị cáo Cầm Văn H đã phạm vào tội: Trộm cắp tài sản với 02 tình tiết định khung: Tái phạm nguy hiểm và chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đến dưới hai trăm triệu đồng, theo quy định tại Điều 7 - các điểm c, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, như quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“ 1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm doạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

c) Tái phạm nguy hiểm;

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đến dưới hai trăm triệu đồng;".

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội bởi; Hành vi bị cáo thực hiện nhiều lần với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt lớn (*Trên năm mươi triệu đồng*), xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của nhiều người, thể hiện bản chất lười lao động, xem thường công sức lao động của người khác, xâm hại tới trật tự quản lý an ninh xã hội và còn gây hoang mang trong bộ phận lớn người dân ở địa phương. Cùng với việc xem xét nhân thân bị cáo đã từng 02 lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Để xem xét áp dụng một hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian tương xứng, đủ mức trừng trị, răn đe, giáo dục và cải tạo các bị cáo sau thời gian chấp hành hình phạt sẽ trở thành người công dân có ích chấp hành pháp luật nhà nước.

[4] Tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Sau một thời gian bỏ trốn bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm bằng việc chấp hành sự có mặt tại cơ quan điều tra, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Do đó cũng cần xem xét áp dụng là một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[6] Bị cáo đang bị tạm giam, cần tiếp tục giam giữ bị cáo trong hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[7] Đối với hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 138 BLHS năm 1999. Căn cứ vào kết quả xác minh thể hiện bị cáo không có khả năng thi hành nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[8] Đối với vấn đề trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại bản án số: 179/2017/HSST của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Cụ thể bị án Lường Văn Q đã tự nguyện bồi thường toàn bộ giá trị tài sản chiếm đoạt cùng công truy tìm tài sản cho các bị hại với tổng số tiền là 51.730.000đ (*Năm mươi mốt triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng*) nên tại bản án này không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết lại.

[9] Đối với số tiền 6.400.000đ (*Sáu triệu bốn trăm ngàn đồng*) bị cáo H bán tài sản phạm tội mà có đã tiêu xài hết. Cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Để tuyên truy thu sung công quỹ nhà nước.

[10] Đối với vật chứng là chiếc xe máy thu giữ tại nhà bị cáo, kết quả điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thừa nhận đã sử dụng làm phương tiện thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trong vụ án. Tại phiên tòa vợ bị cáo (*Tòng Thị Q*) cho rằng không biết bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội là không có cơ sở thuyết phục bởi lẽ: 03 lần bị cáo lấy xe làm phương tiên phạm tội đều là ban đêm hơn nữa bị cáo còn có hành vi tháo BKS xe dấu trong nhà nhằm che dấu tội phạm. Do đó yêu cầu trả lại chiếc

xe của chị Q không được chấp nhận. Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 – Khoản 3 Điều 41 BLHS năm 1999; Để tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước chiếc xe, biển kiểm soát cùng giấy tờ xe. Đối với vật chứng là 01 giấy mua bán xe máy (*Bản sao*) tạm giữ từ Tòng Thị Q (*Vợ bị cáo*), xét không có giá trị sử dụng nên cần áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Để tuyên tịch thu tiêu hủy.

[11] Đối với người đàn ông Quốc tịch Lào tên Sông, theo bị cáo khai đã mua 02 chiếc xe máy do bị cáo phạm tội mà có tại khu vực giáp biên giới Việt nam – Lào (*Cửa khẩu Chiềng Khương - Sông Mã - Sơn La*).Kết quả điều tra do bị cáo không cung cấp được thông tin gì thêm về người đàn ông đó, nên cơ quan Điều tra chưa có cơ sở để điều tra xử lý.

[12] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[13] Bị cáo, những bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án, theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng Điều 7 - các điểm c, e khoản 2 Điều 138 - Điều 53 – điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

- Tuyên bố bị cáo Cầm Văn H phạm tội: Trộm cắp tài sản.

- Xử phạt bị cáo Cầm Văn H 52 (*Năm mươi hai*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 28/02/2018 (*Ngày bắt giữ bị cáo*).

2. Xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 3 Điều 41 BLHS năm 1999 - các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Không chấp nhận yêu cầu được trả lại vật chứng là 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA (*Cùng giấy tờ kèm theo*) đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Tòng Thị Q.

- Tuyên tịch nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA loại xe nữ, màu sơn Xanh – Lục – Đen, không có biển kiểm soát, số máy: 146071, số khung: 146071 tạm giữ từ Tòng Thị Q (*Vợ bị cáo*), đã qua sử dụng;

+ 01 đăng ký mô tô, xe máy số: 060095 mang tên Lò Văn Ng, do Công an tỉnh Sơn La, cấp ngày 20/11/2008 tạm giữ từ Tòng Thị Q (*Vợ bị cáo*);

+ 01 chiếc biển kiểm soát xe máy số: 26K3 – 6149, có vết gập ở giữa biển kiểm soát, tạm giữ trong nhà Tòng Thị Q (*Vợ bị cáo*);

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 giấy mua bán xe máy (*Bản sao*) tạm giữ từ Tòng Thị Q (*Vợ bị cáo*).

3. Biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999;

- Tuyên truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 6.400.000đ (*Sáu triệu bốn trăm ngàn đồng*) do phạm tội mà có đối với bị cáo Cầm Văn H.

4. Án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Quyền kháng cáo:

Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Báo cho bị cáo (*Cầm Văn H*) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (*Chị Tòng Thị Q*) biết quyền được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Báo cho các bị hại biết quyền được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo thủ tục hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh;
- Viên kiểm sát (02 bản);
- Sở tư pháp;
- Công an huyện;
- THA hình sự
- THA dân sự huyện;
- Trại giam;
- Lưu hồ sơ;
- Bị hại, người có QLLQ;
- Lưu VPTA (01 bản).

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Kỳ Việt